

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44/2012/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện việc đăng ký nuôi con nuôi
trong nước, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Nuôi con nuôi ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;

Căn cứ Chỉ thị số 30/2011/CT-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai thực hiện Luật Nuôi con nuôi năm 2010 và Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 3906/TTr-STP ngày 12 tháng 9 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện việc đăng ký nuôi con nuôi trong nước, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Công an Thành phố, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc các cơ sở nuôi dưỡng trẻ em, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Minh Trí

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Phối hợp thực hiện việc đăng ký nuôi con nuôi trong nước,
nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 44/2012/QĐ-UBND
ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định mối quan hệ phối hợp và quy trình thực hiện công tác tiếp nhận trẻ em bị bỏ rơi vào cơ sở nuôi dưỡng, giải quyết cho trẻ em sống tại cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi trong và ngoài nước nhằm thực hiện có hiệu quả một số điều của Luật Nuôi con nuôi, Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi (sau đây gọi là Nghị định số 19/2011/NĐ-CP) và Chỉ thị số 30/2011/CT-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai thực hiện Luật Nuôi con nuôi năm 2010 và Nghị định số 19/2011/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng thực hiện

Các cơ quan, tổ chức được quy định trong Quy chế này bao gồm: Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tư pháp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Sở Y tế, Công an Thành phố, các cơ sở nuôi dưỡng trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp phải trên cơ sở hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan, tổ chức đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức khác có liên quan hoàn thành nhiệm vụ, đảm bảo thời hạn giải quyết hồ sơ và đáp ứng yêu cầu của người dân.

2. Việc phối hợp phải tuân thủ quy định về trình tự, thủ tục, thời gian giải quyết hồ sơ được quy định tại Luật Nuôi con nuôi và Nghị định số 19/2011/NĐ-CP.

3. Thời hạn giải quyết hồ sơ nêu trong Luật Nuôi con nuôi và Nghị định số 19/2011/NĐ-CP là thời hạn tối đa. Trên tinh thần cải cách thủ tục hành chính, các cơ quan, đơn vị nghiên cứu rút ngắn tối đa thời hạn xác minh, xử lý hồ sơ.

Chương II

QUY TRÌNH PHỐI HỢP TRONG VIỆC TIẾP NHẬN TRẺ EM BỊ BỎ RƠI VÀO CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG, GIẢI QUYẾT CHO TRẺ EM SỐNG TẠI CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG LÀM CON NUÔI

Điều 4. Tiếp nhận trẻ em bị bỏ rơi vào các cơ sở nuôi dưỡng

1. Trẻ em bị bỏ rơi tại bệnh viện:

a) Khi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi, bệnh viện có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân hoặc Công an phường - xã, thị trấn tại nơi bệnh viện đặt trụ sở để lập Biên bản trẻ em bị bỏ rơi theo quy định tại Khoản 1, Điều 16 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch (sau đây gọi là Nghị định 158/2005/NĐ-CP).

b) Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi bệnh viện đặt trụ sở có trách nhiệm đăng thông báo tìm cha, mẹ đẻ của trẻ trên Đài Tiếng nói nhân dân thành phố hoặc Đài Truyền hình thành phố theo quy định tại Khoản 2, Điều 16 Nghị định 158/2005/NĐ-CP, tìm người hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng trẻ theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 15 Luật Nuôi con nuôi.

c) Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi cư trú của người đang tạm thời nuôi dưỡng hoặc nơi có trụ sở của tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng đăng ký khai sinh cho trẻ theo quy định tại Điều 13 Nghị định 158/2005/NĐ-CP.

d) Sau khi hết thời hạn đăng thông báo mà không tìm được cha, mẹ đẻ của trẻ, nếu có người nhận trẻ làm con nuôi thì Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi trẻ em bị bỏ rơi xem xét, giải quyết việc đăng ký nuôi con nuôi theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 15 Luật Nuôi con nuôi. Nếu không có người nhận trẻ làm con nuôi thì Bệnh viện lập hồ sơ chuyển Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ra Quyết định tiếp nhận trẻ em bị bỏ rơi vào cơ sở nuôi dưỡng, hồ sơ bao gồm bản chính các giấy tờ sau:

- Giấy khai sinh;

- Biên bản trẻ em bị bỏ rơi;
- Thông báo trẻ em bị bỏ rơi;
- Tài liệu lý lịch trẻ em bị bỏ rơi (nếu có);
- Giấy tờ, tài liệu khác (nếu có).

đ) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thẩm tra tính hợp pháp, hợp lệ của các giấy tờ, tài liệu nêu trên. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ra Quyết định tiếp nhận trẻ em bị bỏ rơi vào cơ sở nuôi dưỡng.

e) Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày có Quyết định tiếp nhận trẻ em bị bỏ rơi vào cơ sở nuôi dưỡng, bệnh viện, người hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng trẻ (nếu có) và cơ sở nuôi dưỡng có trách nhiệm tiến hành việc bàn giao trẻ. Việc bàn giao trẻ phải lập biên bản, ký tên giữa bên giao và bên nhận.

2. Trẻ em bị bỏ rơi tại phường - xã, thị trấn:

a) Khi nhận được thông báo về việc trẻ em bị bỏ rơi, Ủy ban nhân dân hoặc Công an phường - xã, thị trấn nơi trẻ em bị bỏ rơi có trách nhiệm lập Biên bản trẻ em bị bỏ rơi. Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi trẻ em bị bỏ rơi đăng thông báo tìm cha, mẹ đẻ của trẻ theo quy định tại Khoản 2, Điều 16 Nghị định 158/2005/NĐ-CP, tìm người hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng trẻ theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 15 Luật Nuôi con nuôi.

b) Trong trường hợp trẻ em bị bỏ rơi chưa được đăng ký khai sinh, Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi cư trú của người đang tạm thời nuôi dưỡng hoặc nơi có trụ sở của tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng đăng ký khai sinh cho trẻ theo quy định tại Điều 13 Nghị định 158/2005/NĐ-CP.

c) Sau khi hết thời hạn đăng thông báo mà không tìm được cha, mẹ đẻ của trẻ, nếu có người nhận trẻ em làm con nuôi thì Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi trẻ em bị bỏ rơi xem xét, giải quyết việc đăng ký nuôi con nuôi theo quy định Điểm a, Khoản 2, Điều 15 Luật Nuôi con nuôi. Nếu không có người nhận trẻ em làm con nuôi thì Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi trẻ em bị bỏ rơi lập hồ sơ chuyên Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ra Quyết định tiếp nhận trẻ em bị bỏ rơi vào cơ sở nuôi dưỡng, hồ sơ bao gồm bản chính các giấy tờ sau:

- Giấy khai sinh;
- Biên bản trẻ em bị bỏ rơi;

- Thông báo trẻ em bị bỏ rơi;
- Tài liệu lý lịch trẻ em bị bỏ rơi (nếu có);
- Giấy tờ, tài liệu khác (nếu có).

d) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thẩm tra tính hợp pháp, hợp lệ của các giấy tờ, tài liệu nêu trên. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ra Quyết định tiếp nhận trẻ em bị bỏ rơi vào cơ sở nuôi dưỡng.

đ) Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày có Quyết định tiếp nhận trẻ em bị bỏ rơi vào cơ sở nuôi dưỡng, Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi trẻ em bị bỏ rơi, người hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng trẻ (nếu có) và cơ sở nuôi dưỡng có trách nhiệm tiến hành việc bàn giao trẻ. Việc bàn giao trẻ phải lập biên bản, ký tên giữa bên giao và bên nhận.

Điều 5. Lập hồ sơ và danh sách trẻ em cần tìm gia đình thay thế

1. Cơ sở nuôi dưỡng có trách nhiệm lập danh sách và hồ sơ trẻ em đã được tiếp nhận chính thức vào cơ sở nuôi dưỡng (có Quyết định tiếp nhận của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội), thuộc đối tượng cần tìm gia đình thay thế chuyển Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để xác nhận.

2. Danh sách trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng cần tìm gia đình thay thế được lập theo mẫu của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi (sau đây gọi là Thông tư 12/2011/TT-BTP).

Danh sách được lập thành hai loại: Danh sách trẻ em bình thường được gọi là Danh sách 1; Danh sách trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo và trẻ em từ 5 tuổi trở lên hoặc có hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột cần tìm gia đình thay thế được gọi là Danh sách 2.

3. Hồ sơ trẻ em cần tìm gia đình thay thế được lập thành 03 bộ, bao gồm các giấy tờ, tài liệu sau:

- a) Giấy khai sinh;
- b) Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;
- c) Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;
- d) Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ

em bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ là đã chết đối với trẻ em mồ côi; Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em mất tích đối với trẻ em mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em mất năng lực hành vi dân sự đối với trẻ em mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;

đ) Quyết định tiếp nhận trẻ em vào cơ sở nuôi dưỡng;

e) Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em.

Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hợp lệ.

4. Sau khi đã hoàn tất danh sách và hồ sơ trẻ em cần tìm gia đình thay thế, cơ sở nuôi dưỡng nộp danh sách và hồ sơ trẻ em cho Sở Tư pháp để tìm gia đình thay thế cho trẻ.

Điều 6. Giải quyết nuôi con nuôi theo Danh sách 1

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm đăng thông báo tìm gia đình thay thế cho trẻ em thuộc Danh sách 1 trong phạm vi thành phố 03 lần liên tiếp trên Trang Thông tin điện tử của Sở Tư pháp hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác của thành phố trong thời hạn 60 ngày.

2. Nếu có người nhận trẻ em làm con nuôi thì Sở Tư pháp giới thiệu, hướng dẫn người đó liên hệ Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi trẻ em thường trú để xem xét, giải quyết, đồng thời thông báo cho cơ sở nuôi dưỡng để lập hồ sơ trẻ em giao cho người nhận trẻ làm con nuôi. Cơ sở nuôi dưỡng có trách nhiệm cung cấp 01 bộ hồ sơ trẻ bao gồm các giấy tờ, tài liệu theo quy định tại Khoản 1, Điều 18 Luật Nuôi con nuôi cho người nhận trẻ làm con nuôi.

Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi trẻ em thường trú có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ do người nhận con nuôi nộp; kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến của những người liên quan theo quy định tại Điều 20 Luật Nuôi con nuôi, xem xét giải quyết đăng ký việc nuôi con nuôi theo quy định tại Điều 22 Luật Nuôi con nuôi và Điều 10 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP.

Khi việc đăng ký nhận nuôi con nuôi hoàn tất, Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi trẻ em thường trú có trách nhiệm gửi thông báo kèm bản sao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi cho Sở Tư pháp để xóa tên trẻ em này trong Danh sách trẻ em cần tìm gia đình thay thế.

3. Nếu không có người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi, sau khi hết thời hạn thông báo 60 ngày, Sở Tư pháp lập danh sách và chuyển Cục Con nuôi - Bộ Tư pháp để tiến hành thủ tục tìm gia đình thay thế trong nước trên phạm vi toàn quốc.

4. Sau khi nhận được thông báo của Cục Con nuôi - Bộ Tư pháp về danh sách trẻ em chưa tìm được gia đình thay thế trong nước, Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ của trẻ em có tên trong danh sách này, lấy ý kiến người có liên quan theo quy định tại Điều 33 Luật Nuôi con nuôi. Đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi cần được xác minh, Sở Tư pháp có công văn gửi Công an Thành phố đề nghị xác minh nguồn gốc trẻ.

Công an Thành phố có trách nhiệm xác minh và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp. Nội dung trả lời xác minh của Công an Thành phố cần xác định rõ về nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi.

Công văn trả lời xác minh của Công an Thành phố được gửi cho Sở Tư pháp qua đường bưu điện. Trong trường hợp cần thiết, để đảm bảo tiến độ giải quyết hồ sơ, Công an Thành phố và Sở Tư pháp thống nhất cách thức giao, nhận hồ sơ, kết quả xác minh trực tiếp, có sổ giao - nhận, ghi rõ ngày, tháng, năm giao, nhận, ký tên của người giao và người nhận tài liệu, hồ sơ, tránh để thất thoát tài liệu, hồ sơ.

5. Sau khi kiểm tra, xác minh hồ sơ trẻ theo quy định, nếu thấy trẻ em có đủ điều kiện để cho làm con nuôi nước ngoài, Sở Tư pháp xác nhận, lập danh sách trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài, gửi Cục Con nuôi - Bộ Tư pháp.

6. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi do Cục Con nuôi - Bộ Tư pháp chuyển, Sở Tư pháp xem xét, giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài trên cơ sở bảo đảm các căn cứ để giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài được quy định tại Điều 35 Luật Nuôi con nuôi; báo cáo, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xin ý kiến.

7. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình, Ủy ban nhân dân Thành phố có ý kiến về việc đồng ý hoặc không đồng ý với việc giới thiệu trẻ em cho làm con nuôi nước ngoài của Sở Tư pháp. Trường hợp không đồng ý, Ủy ban nhân dân Thành phố thông báo để Sở Tư pháp tiến hành lại việc giới thiệu trẻ em cho làm con nuôi. Trường hợp đồng ý, Sở Tư pháp báo cáo kết quả giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài cho Cục Con nuôi - Bộ Tư pháp.

8. Sau khi nhận được thông báo của Cục Con nuôi về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giới thiệu, xác nhận trẻ em sẽ được nhập cảnh và

thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi, Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

9. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

Việc chuyển, giao, nhận hồ sơ con nuôi giữa Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố với Sở Tư pháp phải đảm bảo tính an toàn, cẩn thận, bảo đảm chế độ bí mật và phải được lập thành Sổ giao, nhận hồ sơ, ghi rõ ngày, tháng, năm giao, nhận, có chữ ký của người thực hiện việc giao, nhận hồ sơ, tránh để thất thoát tài liệu, hồ sơ.

10. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày có quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tư pháp thông báo cho người nhận con nuôi đến Việt Nam để nhận con nuôi. Sở Tư pháp tiến hành đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức Lễ giao nhận con nuôi tại trụ sở Sở Tư pháp, với sự có mặt của đại diện Sở Tư pháp, trẻ em được nhận làm con nuôi, cha mẹ nuôi, đại diện cơ sở nuôi dưỡng. Việc giao nhận con nuôi phải được lập thành biên bản, có chữ ký hoặc Điểm chỉ của các bên và đại diện của Sở Tư pháp.

Điều 7. Giải quyết nuôi con nuôi theo Danh sách 2

1. Sau khi nhận Danh sách 2 kèm hồ sơ do cơ sở nuôi dưỡng chuyển đến, Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến người có liên quan theo quy định tại Điều 33 Luật Nuôi con nuôi.

Đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi cần được xác minh, Sở Tư pháp có công văn gửi Công an Thành phố đề nghị xác minh nguồn gốc trẻ tương tự theo quy định tại Khoản 4, Điều 6 Quy chế này.

2. Sau khi kiểm tra, xác minh hồ sơ trẻ theo quy định, nếu thấy trẻ em có đủ điều kiện để cho làm con nuôi nước ngoài, Sở Tư pháp xác nhận, lập danh sách và gửi hồ sơ trẻ cho Cục Con nuôi - Bộ Tư pháp.

3. Căn cứ vào hồ sơ người xin nhận con nuôi của Cục Con nuôi - Bộ Tư pháp gửi theo kết quả tìm gia đình thay thế ở nước ngoài cho trẻ em, Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài tương tự theo quy định tại Khoản 9, Điều 6 Quy chế này.

4. Việc giao nhận con nuôi được Sở Tư pháp thực hiện tương tự quy định tại Khoản 10, Điều 6 Quy chế này.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC

Điều 8. Sở Tư pháp

1. Kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ đăng ký nuôi con nuôi trên địa bàn thành phố; thường xuyên tổ chức tập huấn, giải quyết vướng mắc hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện pháp luật nuôi con nuôi trên địa bàn thành phố.

2. Hướng dẫn thủ tục nhận nuôi con nuôi cho người dân khi có nhu cầu; tổ chức phổ biến pháp luật liên quan đến lĩnh vực nuôi con nuôi.

3. Thực hiện các hoạt động nghiệp vụ liên quan đến việc giải quyết cho con nuôi theo quy định của Luật Nuôi con nuôi, Nghị định số 19/2011/NĐ-CP, các văn bản hướng dẫn thi hành và Quy chế này.

Điều 9. Công an Thành phố

1. Thực hiện thẩm tra, xác minh nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi được cho làm con nuôi và trả lời kết quả cho cơ quan gửi xác minh đúng thời hạn quy định.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn các phòng nghiệp vụ có liên quan trực thuộc Công an Thành phố, Công an quận - huyện, xã - phường, thị trấn trong địa bàn thành phố xác minh hồ sơ trẻ em bị bỏ rơi; lập biên bản trẻ bị bỏ rơi theo quy định khi tiếp nhận được thông tin về trường hợp có trẻ bị bỏ rơi; kiểm tra, giám sát việc quản lý đăng ký hộ khẩu tạm trú, tạm vắng tại các cơ sở nuôi dưỡng trẻ em trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và cơ sở nuôi dưỡng trẻ em khác để tránh trường hợp hình thành cơ sở nuôi dưỡng trẻ em trái phép nhằm mục đích trục lợi, gây mất trật tự, an toàn xã hội.

3. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và đấu tranh chống các hành vi lợi dụng việc nuôi con nuôi nhằm mục đích mua bán, bóc lột sức lao động, xâm phạm tình dục đối với trẻ em hoặc vì mục đích trục lợi khác.

Điều 10. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Hướng dẫn các Trung tâm nuôi dưỡng, bảo trợ trẻ em trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có chức năng giới thiệu trẻ em cho làm con nuôi nước ngoài việc lập hồ sơ, phương pháp thẩm tra, xác minh hồ sơ... cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài; xem xét, xác nhận danh sách trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng cần tìm gia đình thay thế.

2. Đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại các Trung tâm nuôi dưỡng, bảo trợ trẻ em trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Kiểm tra, theo dõi việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản hỗ trợ, tài trợ từ các tổ chức, cá nhân vì mục đích bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

3. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật, chính sách chăm sóc và bảo vệ trẻ em; giám sát việc thực hiện Luật Nuôi con nuôi và Nghị định số 19/2011/NĐ-CP để đảm bảo việc cho và nhận trẻ em làm con nuôi trên tinh thần nhân đạo, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em và tôn trọng các quyền cơ bản của trẻ em, đồng thời, để phát hiện và kịp thời ngăn chặn các trường hợp lợi dụng việc nuôi con nuôi nhằm mục đích kinh doanh, bóc lột sức lao động, xâm phạm tình dục, mua bán trẻ em hoặc vì mục đích trục lợi khác.

Điều 11. Sở Y tế

1. Hướng dẫn, kiểm tra chặt chẽ các bệnh viện trên địa bàn thành phố thực hiện nghiêm túc việc cấp các giấy tờ về sự kiện sinh, tử, lập hồ sơ trẻ em bị bỏ rơi đúng theo quy định của pháp luật để tránh tình trạng làm hồ sơ giả cho trẻ em làm con nuôi, mua bán trẻ em.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở y tế tạo điều kiện thuận lợi trong trường hợp có xác minh lai lịch trẻ em bị bỏ rơi tại bệnh viện hoặc các sự kiện sinh, tử khác theo yêu cầu của Công an Thành phố, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tư pháp.

Điều 12. Sở Tài chính

1. Tổng hợp, thẩm định các đề xuất về kinh phí liên quan đến việc giải quyết nuôi con nuôi của các cơ quan thực hiện Quy chế này, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

2. Phối hợp cùng các sở, ban, ngành thực hiện quyết toán chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài.

Điều 13. Trung tâm nuôi dưỡng, bảo trợ trẻ em trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có chức năng giới thiệu trẻ em cho làm con nuôi nước ngoài

1. Thực hiện các hoạt động nghiệp vụ liên quan đến việc giải quyết cho con nuôi theo quy định của Luật Nuôi con nuôi, Nghị định số 19/2011/NĐ-CP, các văn bản hướng dẫn thi hành và Quy chế này.

2. Định kỳ 06 tháng một lần báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về tình hình giới thiệu trẻ em làm con nuôi trong nước và có yếu tố nước ngoài.

Điều 14. Ủy ban nhân dân quận - huyện

1. Kiểm tra, theo dõi tình hình thực hiện việc nuôi con nuôi trên địa bàn; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực nuôi con nuôi theo thẩm quyền.

2. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về nuôi con nuôi tại địa phương.

3. Báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình giải quyết việc nuôi con nuôi và thực hiện pháp luật về nuôi con nuôi tại địa phương.

Điều 15. Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn

1. Thực hiện các hoạt động nghiệp vụ liên quan đến việc giải quyết cho con nuôi theo quy định của Luật Nuôi con nuôi, Nghị định số 19/2011/NĐ-CP, các văn bản hướng dẫn thi hành và Quy chế này.

2. Đăng ký, kiểm tra, theo dõi tình hình thực hiện việc nuôi con nuôi trong nước; kiểm tra, giám sát về báo cáo của cha mẹ nuôi về tình hình phát triển của trẻ em cho làm con nuôi trên địa bàn.

3. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về nuôi con nuôi tại địa phương.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực nuôi con nuôi theo thẩm quyền.

5. Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về tình hình giải quyết việc nuôi con nuôi và thực hiện pháp luật về nuôi con nuôi tại địa phương.

Chương IV MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 16. Hình thức phối hợp

1. Mối quan hệ công tác giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan là quan hệ phối hợp, dựa trên nguyên tắc tôn trọng lẫn nhau để thực hiện tốt nhiệm vụ chung.

2. Trong những trường hợp cần thiết có thể phối hợp công tác bằng các hình thức phù hợp như: tổ chức Hội nghị liên tịch, sơ kết; ký kết văn bản liên tịch; thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra hoặc khảo sát tình hình tại cơ sở, tập hợp

các khó khăn, vướng mắc, kịp thời hướng dẫn giải quyết hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Điều 17. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Sở Tư pháp thực hiện việc thống kê, báo cáo định kỳ hàng năm cho Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình giải quyết việc nuôi con nuôi và tình hình thực hiện pháp luật tại thành phố.

2. Các cơ quan, tổ chức khi báo cáo định kỳ hoặc đột xuất những vấn đề có liên quan đến phạm vi áp dụng của Quy chế này cho cơ quan có thẩm quyền thì đồng thời gửi Sở Tư pháp một bản để theo dõi trong công tác quản lý Nhà nước.

Điều 18. Việc giải quyết những vướng mắc

1. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có những vấn đề khó khăn, vướng mắc làm ảnh hưởng đến tiến độ xử lý hoặc giải quyết hồ sơ thì cơ quan, tổ chức đang thụ lý hồ sơ phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và đề xuất biện pháp khắc phục.

2. Trong quá trình giải quyết hồ sơ, nếu có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan, tổ chức thì Sở Tư pháp có trách nhiệm báo cáo và đề xuất hướng giải quyết trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Các cơ quan, tổ chức theo trách nhiệm được phân công, tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề chưa phù hợp hoặc mới phát sinh, thì các cơ quan, tổ chức được phân công trách nhiệm phối hợp kịp thời báo cáo cho Sở Tư pháp để Sở Tư pháp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất việc bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật hiện hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Minh Trí